SAO Y; Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh; Thời gian ký: 2026-05-21T11:20:29+07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 06 /2026/NQ-HĐND	*Tây Ninh, ngày 12 tháng 5 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm ghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Thực hiện Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2035;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030;

Thực hiện Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu

quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 1990/TTr-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định nguyên tắc, tiêu chí , định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Báo cáo thẩm tra số 515/BC-HĐND ngày 10 tháng 5 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết:

- Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An về việc quy định phân bổ nguồn vốn xổ số kiến thiết thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Long An;

- Nghị quyết số 43/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ

vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

- Nghị quyết số 71/2024/NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 43/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kinh phí từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Long An;

- Nghị quyết số 44/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 46/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2022 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2022 đến năm 2025;

- Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 46/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2022 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2022 đến năm 2025.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với ngân sách nhà nước năm 2025 (bao gồm cả nguồn vốn các năm 2021, 2022, 2023 và năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh chưa thực hiện hoặc chưa giải ngân hết trong năm 2025, được phép chuyển nguồn sang năm 2026 để tiếp tục thực hiện và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phân bổ trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, thì tiếp tục thực hiện theo các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước đã ban hành cho giai đoạn 2021-2025 và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đối với ngân sách nhà nước từ năm 2026 trở đi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh mà chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phân bổ trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh khoá XI, kỳ họp thứ 2 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 12 tháng 5 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội (b/c);
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp (b/c);
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Tây Ninh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XI;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh (Văn phòng UBND tỉnh);
- Lưu: VT, (tructhao).

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Nguyễn Mạnh Hùng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2026/NQ-HĐND ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (sau đây gọi tắt là Chương trình).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1. QUY ĐỊNH NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ

1. Việc phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình bảo đảm đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững; tập trung ưu tiên cho các xã có địa bàn khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xã biên giới, xã an toàn khu nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững.

2. Bảo đảm quản lý thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, tiêu chí và định mức phân bổ.

3. Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước hằng năm được cấp có thẩm quyền giao, việc bố trí vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh thực hiện theo các nguyên tắc sau:

a) Bố trí cho xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, xã là trung tâm của huyện trước sáp nhập, xã khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và xã còn lại; đồng thời cộng hệ số ưu tiên cho các xã an toàn khu, xã biên giới, xã khu vực vùng Đồng Tháp Mười, xã có kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại để tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

b) Các phường có diện tích đất nông nghiệp chiếm từ 70% trở lên thực hiện xây dựng nông thôn mới tự cân đối ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

4. Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định giao dự toán, kế hoạch phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương theo tổng vốn Chương trình. Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ chi tiết nguồn vốn của Chương trình theo nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi và danh mục dự án đầu tư công theo quy định của pháp luật, bảo đảm sử dụng nguồn vốn đúng mục tiêu, hiệu quả, không trùng lặp với các chương trình, dự án khác trên địa bàn.

5. Đối với việc điều chỉnh kinh phí, vốn (bao gồm các khoản chi được giao trong dự toán hằng năm và các khoản chi được chuyển nguồn từ năm trước theo quy định) từ các nội dung, hoạt động đã hết nhiệm vụ chi sang thực hiện các nội dung, hoạt động khác thuộc Chương trình, Ủy ban nhân dân cấp xã sử dụng ngân sách nhà nước được quyết định điều chuyển kinh phí, vốn, bảo đảm không vượt tổng mức được giao và không làm thay đổi cơ cấu chi đầu tư, chi thường xuyên và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại cuộc họp gần nhất; các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện điều chỉnh kinh phí, vốn theo đúng quy định hiện hành.

6. Việc bố trí bảo đảm nguyên tắc không trùng lặp giữa các nội dung thuộc 02 hợp phần của Chương trình và các nội dung hỗ trợ của các Chương trình mục tiêu quốc gia khác, đồng thời phù hợp với chính quyền địa phương hai cấp *(tỉnh - xã)* và với khả năng cân đối ngân sách nhà nước, huy động nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác.

7. Ưu tiên bố trí vốn cho các xã có tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công cao; các dự án, nội dung thành phần có tính chất thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn; ưu tiên các dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, vận hành hạ tầng nông thôn, phát triển thương mại điện tử cho sản phẩm OCOP và nâng cao năng lực tiếp cận thông tin cho người dân, nhằm hiện đại hóa nông thôn theo định hướng của tỉnh.

Điều 4. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển

1. Tiêu chí, hệ số phân theo đối tượng xã

a) Xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: hệ số 20;

b) Xã là trung tâm của huyện trước sáp nhập: hệ số: 3;

c) Xã khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xã còn lại: hệ số 5.

2. Tiêu chí, hệ số ưu tiên

Xã an toàn khu, xã biên giới, xã thuộc khu vực vùng Đồng Tháp Mười, xã có kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại: hệ số 3.

3. Nguyên tắc áp dụng hệ số

a) Trường hợp một xã thuộc nhiều đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này, thì chỉ áp dụng một hệ số cao nhất để xác định hệ số phân bổ vốn;

b) Các tiêu chí ưu tiên quy định tại khoản 2 Điều này được tính bổ sung khi xác định tổng hệ số phân bổ vốn của xã.

4. Định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển

a) Định mức vốn đầu tư phát triển trung bình 1 hệ số phân bổ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được xác định như sau:

$$\text{Số vốn đầu tư phát triển trung bình 1 hệ số phân bổ} = \frac{\text{Tổng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước}}{\text{Tổng số hệ số toàn tỉnh}}$$

b) Định mức vốn đầu tư phát triển phân bổ cho xã được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tổng mức vốn đầu tư phát triển phân bổ cho xã} = \text{Số vốn đầu tư phát triển trung bình 1 hệ số phân bổ} \times \text{Tổng số hệ số của xã}$$

(Chi tiết hệ số hỗ trợ các xã theo Phụ lục đính kèm)

Điều 5. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn sự nghiệp

1. Năm 2026

a) Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã được sử dụng nguồn vốn sự nghiệp ngân sách trung ương của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia (xây dựng nông thôn mới; giảm nghèo bền vững; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) đã được giao trong năm 2025 nhưng chưa thực hiện hoặc chưa giải ngân hết (bao gồm cả nguồn vốn các năm 2021, 2022, 2023 và 2024 được chuyển sang năm 2025) để tiếp tục thực hiện trong năm 2026 theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Trường hợp các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã không có nguồn vốn chuyển sang năm 2026 để thực hiện thì chủ động cân đối trong dự toán ngân sách được giao và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

2. Giai đoạn 2027 - 2030

a) Hàng năm, trên cơ sở đề xuất nhu cầu vốn của các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tổng hợp, đề xuất phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Tổng mức vốn sự nghiệp phân bổ cho các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã không vượt quá 15% tổng vốn đầu tư phát triển giao trực tiếp thực hiện Chương trình được cấp có thẩm quyền quyết định (bao gồm kinh phí quản lý Chương trình quy định tại điểm c khoản này).

c) Kinh phí quản lý Chương trình được trích tối đa 1,5% nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho Chương trình.

Mục 2. QUY ĐỊNH TỶ LỆ VỐN ĐỐI ỨNG CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ

Điều 6. Nguyên tắc bố trí vốn đối ứng của ngân sách cấp xã

Các xã có trách nhiệm bố trí ngân sách của địa phương để đối ứng thực hiện Chương trình trong giai đoạn 05 năm theo quy định tại Điều 7 của Quy định này.

Điều 7. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp xã

1. Đối với các xã thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, ngân sách cấp xã đối ứng tối thiểu bằng 0,1 lần tổng vốn đầu tư phát triển từ ngân sách tỉnh bố trí thực hiện Chương trình trên địa bàn (tỷ lệ đối ứng tối thiểu 1:0,1).

2. Đối với các xã thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, ngân sách cấp xã đối ứng tối thiểu bằng 0,2 lần tổng vốn đầu tư phát triển từ ngân sách tỉnh bố trí thực hiện Chương trình trên địa bàn (tỷ lệ đối ứng tối thiểu 1:0,2).

3. Đối với các xã còn lại, ngân sách cấp xã đối ứng tối thiểu bằng 0,3 lần tổng vốn đầu tư phát triển từ ngân sách tỉnh bố trí thực hiện Chương trình trên địa bàn (tỷ lệ đối ứng tối thiểu 1:0,3)./.

PHỤ LỤC

BẢNG HỆ SỐ PHÂN BỔ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Nghị quyết số 06/2026/NQ-HĐND ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

STT	Xã	Hệ số xã				Hệ số ưu tiên				Tổng hệ số xã
		Xã chưa đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025 (hệ số 20)	Xã có trung tâm của huyện trước sáp nhập (hệ số 3)	Xã khu vực II vùng đồng bào DTTS&MN (hệ số 5)	Xã còn lại (hệ số 5)	Xã an toàn khu (hệ số 3)	Xã biên giới (hệ số 3)	Xã vùng Đồng Tháp Mười (hệ số 3)	Xã phấn đấu đạt chuẩn NTM hiện đại (hệ số 3)	
TỔNG CỘNG		**300**	**60**	**5**	**245**	**24**	**57**	**45**	**30**	**757,0**
I	**XÃ CHƯA ĐẠT CHUẨN NTM (theo Bộ tiêu chí NTM giai đoạn 2021-2025)**	**300**	**9**	**0**	**0**	**6**	**18**	**18**	**0**	**342,0**
1	Xã Hưng Điền	20					3	3		26
2	Xã Vĩnh Thạnh	20						3		23
3	Xã Bình Hiệp	20					3	3		26
4	Xã Vĩnh Châu	20						3		23

STT	Xã	Hệ số xã				Hệ số ưu tiên				Tổng hệ số xã
5	Xã Mộc Hoá	20	3					3		23
6	Xã Bình Hoà	20					3	3		26
7	Xã Thạnh Phước	20								20
8	Xã Bình Thành	20					3			23
9	Xã Mỹ Quý	20					3			23
10	Xã Đông Thành	20	3				3			23
11	Xã Tân Long	20								20
12	Xã Đức Huệ	20								20
13	Xã Dương Minh Châu	20	3			3				23
14	Xã Tân Thành	20				3				23
15	Xã Hảo Đước	20								20
II	**XÃ PHẤN ĐẤU NTM HIỆN ĐẠI**	**-**	**15**	**-**	**25**	**3**	**3**	**-**	**30**	**76,0**
1	Xã Thủ Thừa		3						3	6
2	Xã Cần Đước		3						3	6
3	Xã Thuận Mỹ				5				3	8
4	Xã Rạch Kiến				5				3	8
5	Xã Mỹ Lệ				5				3	8
6	Xã Cần Giuộc		3						3	6
7	Xã Tân Trụ		3						3	6
8	Xã Truông Mít				5				3	8
9	Xã Tân Hội				5				3	8

STT	Xã	Hệ số xã				Hệ số ưu tiên				Tổng hệ số xã
10	Xã Tân Biên		3			3	3		3	12
III	**XÃ ĐẠT CHUẨN NTM (theo Bộ tiêu chí NTM giai đoạn 2021-2025)**	**-**	**36**	**5**	**220**	**15**	**36**	**27**	**-**	**339,0**
1	Xã Nhựt Tảo				5					5
2	Xã Mỹ Thạnh				5					5
3	Xã Mỹ An				5					5
4	Xã Vàm Cỏ				5					5
5	Xã Tầm Vu		3							3
6	Xã An Lục Long				5					5
7	Xã Vĩnh Công				5					5
8	Xã Thạnh Lợi				5					5
9	Xã Bình Đức				5					5
10	Xã Lương Hoà				5					5
11	Xã Bến Lức		3							3
12	Xã Phước Vĩnh Tây				5					5
13	Xã Tân Tập				5					5
14	Xã Tân Lân				5					5
15	Xã Long Hựu				5					5
16	Xã Mỹ Yên				5					5
17	Xã Phước Lý				5					5
18	Xã Long Cang				5					5

STT	Xã	Hệ số xã				Hệ số ưu tiên				Tổng hệ số xã
19	Xã Mỹ Lộc				5					5
20	Xã Hoà Khánh				5					5
21	Xã Đức Lập				5					5
22	Xã Mỹ Hạnh				5					5
23	Xã Đức Hoà		3							3
24	Xã An Ninh				5					5
25	Xã Hiệp Hoà		3							3
26	Xã Hậu Nghĩa		3							3
27	Xã Tân Tây				5					5
28	Xã Thạnh Hóa		3							3
29	Xã Nhơn Hoà Lập				5			3		8
30	Xã Tân Thạnh		3					3		6
31	Xã Nhơn Ninh				5			3		8
32	Xã Hậu Thạnh				5			3		8
33	Xã Tuyên Thạnh				5			3		8
34	Xã Vĩnh Hưng		3					3		6
35	Xã Tuyên Bình				5		3	3		11
36	Xã Khánh Hưng				5		3	3		11
37	Xã Tân Hưng		3					3		6
38	Xã Hưng Thuận				5	3				8
39	Xã Phước Chỉ				5		3			8
40	Xã Lộc Ninh				5	3				8
41	Xã Cầu Khởi				5	3				8
42	Xã Phước Thạnh				5					5

STT	Xã	Hệ số xã				Hệ số ưu tiên				Tổng hệ số xã
43	Xã Long Thuận				5		3			8
44	Xã Bến Cầu		3				3			6
45	Xã Long Chữ				5		3			8
46	Xã Thạnh Đức				5					5
47	Xã Tân Lập				5	3	3			11
48	Xã Trà Vong				5					5
49	Xã Thạnh Bình				5					5
50	Xã Tân Đông			5			3			8
51	Xã Tân Hòa				5		3			8
52	Xã Tân Châu		3							3
53	Xã Tân Phú				5					5
54	Xã Châu Thành		3							3
55	Xã Phước Vinh				5	3	3			11
56	Xã Hòa Hội				5		3			8
57	Xã Ninh Điền				5		3			8